

NỘI DUNG KIỂM TRA GIỮA KỲ I MÔN TIẾNG ANH

KHỐI 12:

Hình thức: 100% trắc nghiệm

Thời gian: 45 phút

Tổng số câu: 40

UNIT	NỘI DUNG CHI TIẾT	KIẾN THỨC	SỐ CÂU
Unit 1,2,3	1. Phát âm	Phụ âm	1
		Nguyên âm	1
		Phát âm -ed	1
	2. Dấu nhấn	Từ có 2 âm tiết	1
		Từ có từ 3 âm trở lên	1
	3. Ngữ pháp	Câu hỏi đuôi	1
		Câu hỏi đuôi dạng đặc biệt	1
		Trật tự tính từ	1
		7 thì cơ bản	2
		Giới từ	1
		Từ gia đình	1
		Collocation	1
		Từ vựng	2
		Bị động	1
		By the time	1
		Phrasal verb	1
		Idiom	1
	4. Đồng nghĩa	Từ vựng	2
	5. Trái nghĩa	Từ vựng	2
	6. Giao tiếp	Daily conversation	2
	7. Tìm lỗi sai	Thì	1
		Đại từ/ tính từ nhân xưng	1
	8. Bài đọc hiểu	Main idea	1
		detail	3
		True/not true	1
		Đồng nghĩa	1
		Refer to	1
	9. Biến đổi câu	Thì của động từ QKĐ ⇔ HTHT	6

KHỐI 11

Hình thức: 75% TN và 25% TL

Thời gian: 45 phút

Tổng số câu: 35 [30 câu trắc nghiệm (0.25 điểm/ câu) + 5 câu tự luận (0.5 điểm/ câu)]

UNIT	NỘI DUNG CHI TIẾT	KIẾN THỨC	SỐ CÂU
Unit 1, 2, 3	Phát âm	Phát âm "s/es"	1
		Phát âm " ed"	1
		Phát âm phụ âm	1
	Trọng âm	Từ có 2 âm tiết	1
		Từ có 3 âm tiết trở lên	1
	Đồng nghĩa	Verb, Noun, Adj	2
	Trái nghĩa	Verb, Noun, Adj	2
	Câu giao tiếp	GT hằng ngày	2
	Từ vựng	Nghĩa của từ	3
		Word form	4
	Giới từ	Giới từ	4
	Tìm lỗi sai	Câu trúc	1

	Kỹ năng đọc hiểu	Thì	1
		Nội dung chính	1
		Chi tiết	2
		Từ gần nghĩa	1
		Suy luận	1
	Viết lại câu (Tự luận 0.5 điểm/ câu)	Verb of perception	1
		Allow ⇔ let	1
		Causative form	1
		Prefer – to ⇔ would rather- than	1
		Past Perfect – Past Simple Tense with before/ after	1

KHỐI 10

Hình thức: 75% TN và 25% TL

Thời gian: 45 phút

Tổng số câu: 35 [30 câu trắc nghiệm (0.25 điểm/ câu) + 5 câu tự luận (0.5 điểm/ câu)]

UNIT	NỘI DUNG CHI TIẾT	KIẾN THỨC	SỐ CÂU
UNIT I, 1, 2	Phát âm	Phát âm "s/es"	1
		Phát âm " ed"	1
		Phát âm phụ âm/ nguyên âm	1
	Trọng âm	Từ có 2 âm tiết	1
		Từ có 3 âm tiết trở lên	1
	Đồng nghĩa	Verb, Noun, Adj	2
	Trái nghĩa	Verb, Noun, Adj	2
	Câu giao tiếp	GT hằng ngày (Likes/ dislikes/ Reaction (1G))	2
	Từ vựng	Nghĩa của từ	3
		Word form	4
	Giới từ	Giới từ	4
	Tìm lỗi sai	Cấu trúc	1
		Thì	1
	Kỹ năng đọc hiểu	Nội dung chính	1
		Chi tiết	2
		Từ gần nghĩa	1
		Suy luận	1
	Viết lại câu (Tự luận 0.5 điểm/ câu)	Wh- question	1
		S + spend + time + Ving = It + takes/ took + O + time + to V	1
		Exclamation with What/ How	1
		Making suggestion Let's	1
		How about/ What about	
		Past Continuous While + S + was/ were Ving = While + Ving	1